

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 268/2024/KDTM-PT

Ngày: 23/10/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng xây dựng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán : **Bà Dương Tuyết Mai**

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Trung Kiên** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Phan Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 23/10/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 167/2024/ KDTM-TLPT ngày 17/7/2024 về việc Tranh chấp Hợp đồng xây dựng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2023/KDTM-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 587/2024/QĐXX-PT ngày 08/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 622/QĐ-HPT ngày 27/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Công nghệ QG (Gọi tắt là Công ty Công nghệ QG)

Trụ sở: Số 2B ngõ 6 Đồng Xa, phường M, quận C, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị H - Giám đốc. (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Công ty Cổ phần Thương mại DL (Gọi tắt là Công ty DL)

Trụ sở: Tầng 6 tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, phường D, quận C, Hà Nội.

Địa chỉ nhận văn bản: Số 116 Vũ Phạm Hàm, phường Y, quận C, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Nữ Khánh T- Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Việt T1 (Theo Giấy ủy quyền ngày

30/7/2024) (có mặt)

Địa chỉ: Số 06 lô 4B, KĐT Trung Yên, phường Y, quận C, Hà Nội.

2.2 Công ty TNHH Đầu tư thương mại tổng hợp TH (Gọi tắt là Công ty TH)

Trụ sở: Số 06, lô 4B, KĐT Trung Yên, phường Y, quận C, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị C – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Việt T1 (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/7/2024) (có mặt)

Địa chỉ: Số 06 lô 4B, KĐT Trung Yên, phường Y, quận C, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần Thương mại DL và Công ty TNHH Đầu tư thương mại tổng hợp TH: Ông Nguyễn Thế Truyền, Luật sư Công ty Luật hợp danh Thiên Thanh – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1946.

3.2 Bà Trần Thị C, sinh năm 1951.

Cùng địa chỉ: TDP Lương Xá, phường Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - nguyên đơn đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2016, Công ty cổ phần Công nghệ QG có thi công lắp đặt hệ thống thiết bị cho công trình Nhà riêng của bà Ngô Thị Việt T1 tại thôn Lương Xá - xã Y - huyện D - tỉnh Hà Nam. Sau khi thỏa thuận xong các nội dung chính của hợp đồng, các hạng mục thi công được bà T1 chỉ định ký với 02 Công ty của gia đình bà T1 thông qua các hợp đồng như sau:

+ Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG ký ngày 15/10/2016 với Công ty CP Thương mại DL (Sau đây gọi tắt là Công ty DL) về việc thi công hệ thống Camera an ninh - Điện thoại - Internet - Truyền hình cáp – Điều hoà.

+ Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/TH-CNQG ký ngày 15/10/2016 với Công ty TNHH Đầu tư thương mại tổng hợp TH (sau đây gọi tắt là Công ty TH) về việc thi công hệ thống Điện – nước.

Mọi giao dịch của 02 hợp đồng này trong suốt quá trình thực hiện đều do bà Ngô Thị Việt T1 quyết định. Thời gian thi công theo hợp đồng ban đầu là 90 ngày kể từ ngày 15/10/2016 và Công ty Công nghệ QG đã tuân thủ theo đúng các yêu

cầu của hợp đồng. Tuy nhiên trong quá trình thi công, Công ty TH và Công ty DL đã không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng, gây nhiều thiệt hại và làm tăng chi phí quản lý thi công, vốn vay ngân hàng, chi phí bảo lãnh của Công ty Công nghệ QG, cụ thể như sau:

- + Không bàn giao mặt bằng thi công đúng thời hạn khiến cho Công ty Công nghệ QG không thể hoàn thành 100% khối lượng công việc theo quy định của hợp đồng. Do các phần việc thực hiện của Công ty Công nghệ QG có liên quan đến các hạng mục khác do các đơn vị khác thực hiện như trần, tường,... nên phải chờ các hạng mục này bàn giao mặt bằng. Nhưng trên thực tế đến giữa năm 2019, các hạng mục này vẫn còn thi công dở dang và đến tháng 5/2021 công trình vẫn chưa được hoàn thành để đưa vào sử dụng.

- + Thường xuyên thay đổi cán bộ giám sát hiện trường, cố tình kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng bằng cách trì hoãn nghiệm thu, không cho phép cán bộ giám sát ký nghiệm thu dẫn đến việc công trình đã thi công xong theo từng giai đoạn mà vẫn không được nghiệm thu.

- + Do không bàn giao được mặt bằng thi công cho Công ty Công nghệ QG nên hai bên đã tiến hành ký kết phụ lục gia hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2019. Tuy nhiên, sau thời gian này, Công ty TH và Công ty DL vẫn không bố trí được mặt bằng nên Công ty Công nghệ QG vẫn không thể thi công hoàn thành hợp đồng. Mặc dù vậy, nhưng từ sau ngày 31/12/2019 Công ty Công nghệ QG cũng không được gia hạn hợp đồng, bên cạnh đó Công ty TH và Công ty DL còn đơn phương gửi văn bản yêu cầu Ngân hàng (nơi Công ty Công nghệ QG mở tài khoản) gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng đến ngày 31/12/2022.

Sau khi thi công xong cơ bản phần thô, từ tháng 3/2017 Công ty Công nghệ QG đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và gửi giấy mời nghiệm thu nhưng Công ty TH và Công ty DL đều đưa ra các lý do khác nhau hoặc tìm cách trì hoãn, từ chối xác nhận nghiệm thu.

Sau nhiều lần làm việc, đến tháng 5/2021 hai bên đã thống nhất sẽ nghiệm thu khối lượng thi công thực tế để làm cơ sở thanh quyết toán hợp đồng. Sau đó, Công ty TH và Công ty DL đã cử ông Bùi Văn T3 tiến hành nghiệm thu và ký xác nhận khối lượng hoàn thành của hợp đồng nhưng lại từ chối xác nhận phần khối lượng thoát nước mà Công ty Công nghệ QG đã thi công. Trên cơ sở bảng khối lượng hoàn thành đã được ông T3 ký xác nhận, Công ty Công nghệ QG đã lập hồ sơ thanh toán của 02 hợp đồng trên với giá trị tạm tính như sau:

- + Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG với công ty DL là 793.611.357 đồng.

- + Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/TH-CNQG với Công ty TH là 298.329.770 đồng.

Hồ sơ thanh toán này Công ty Công nghệ QG đã ký đóng dấu gửi cho Công ty TH và Công ty DL nhưng đến nay Công ty Công nghệ QG vẫn không nhận được sự hợp tác hoàn thiện hồ sơ cũng như việc thanh toán từ phía hai Công ty trên.

Như vậy, Công ty TH và Công ty DL đã vi phạm các thỏa thuận mà hai bên thống nhất, không thực hiện nghĩa vụ của mình làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của Công ty Công nghệ QG. Cụ thể là Điều 6 của hợp đồng: “*Tổ chức nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn và nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng; Thanh toán cho Bên B theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng*” và nội dung theo thỏa thuận trong các biên bản làm việc giữa hai bên.

Hành vi của Bà Ngô Thị Việt T1, Công ty TH và Công ty DL cố tình kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng, không hợp tác hoàn thiện hồ sơ, không xác nhận các hồ sơ liên quan để thực hiện nghĩa vụ thanh toán với tổng số tiền hoàn thành: **1.091.941.127 đồng** là gây thiệt hại cho Công ty Công nghệ QG.

Trước những nội dung trên, Công ty Công nghệ QG đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty TH và Công ty DL tiếp nhận và xác nhận hồ sơ thanh toán (kèm theo các phụ lục) mà Công ty Công nghệ QG đã hoàn thành và tiến hành thanh toán cho Công ty Công nghệ QG trong thời hạn sớm nhất.

2. Buộc Công ty TH và Công ty DL phải thanh toán lãi suất chậm trả cho Công ty Công nghệ QG, đồng thời đền bù những thiệt hại đã gây ra cho Công ty Công nghệ QG như: kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng làm tăng chi phí quản lý thi công, vốn vay ngân hàng, chi phí bảo lãnh,..

3. Tổng số tiền mà Công ty TH và Công ty DL phải trả cho Công ty Công nghệ QG như sau:

Stt	Nội dung	Hợp đồng với công ty TH (HĐ số 1510/HĐXD - 2016/TH- CNQG)	Hợp đồng với công ty DL (HĐ số 1510/HĐXD - 2016/DL- CNQG)	Cách tính
1	Giá trị KL hoàn thành theo bảng tổng hợp khối lượng ngày 25/5/2021	298.329.770	793.611.357	
2	Số tiền đã tạm ứng của hợp đồng	296.547.487	328.086.023	
3	Số tiền còn lại phải thanh toán	1.782.283	465.525.334	(1)-(2)

Stt	Nội dung	Hợp đồng với công ty TH (HĐ số 1510/HĐXD - 2016/TH- CNQG)	Hợp đồng với công ty DL (HĐ số 1510/HĐXD - 2016/DL- CNQG)	Cách tính
4	Chi phí lãi suất chậm trả tính từ ngày nghiệm thu (1-6-2021) đến ngày 28-6-2023	355.324	92.809.171	Tạm tính lãi suất 9,6%/ năm (3) * 9,6% *2 năm + 28 ngày
5	Tổng cộng giá trị đề nghị thanh toán (Sau khi trừ đi số tiền đã tạm ứng)	2.137.607	558.334.505	(3) + (4)+(5)

Theo Bảng tổng hợp kê chi tiết thì tổng số tiền Công ty CP Công nghệ QG yêu cầu đồng bị đơn Công ty DL và Công ty TH phải thanh toán (Sau khi trừ đi số tiền đã tạm ứng hợp đồng) là: **560.470.112 đồng**.

2. Theo bản tự khai, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn thống nhất trình bày:

Theo thông báo xét xử của Tòa án, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại giữa Công ty cổ phần công nghệ QG với Công ty TH và Công ty DL sẽ diễn ra vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 28/6/2023. Đồng bị đơn đề nghị xin hoãn phiên tòa với lý do sau đây:

Thứ nhất, theo qui định tại điều 4.3 của hợp đồng xây dựng ký kết giữa các bên về việc bảo lãnh tạm ứng thì Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh TL là đơn vị bảo lãnh tạm ứng nên chúng tôi đề nghị bổ sung đưa Ngân hàng tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thứ hai, phía nguyên đơn xuất trình bản tổng hợp khối lượng hoàn thành ngày 25/5/2021 đối với hai hợp đồng xây dựng trên cơ sở đó lập hồ sơ yêu cầu thanh toán, tuy nhiên chúng tôi không thừa nhận cử ông Bùi Văn T3 (Không có ủy quyền của bên giao thầu) tham gia nghiệm thu. Việc Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ ngày 11/5/2023 không có giá trị để thanh quyết toán công trình. Do vậy chúng tôi đề nghị sẽ cùng bên nhận thầu nghiệm thu kết quả công việc giao thầu theo hợp đồng để làm căn cứ thanh toán hợp đồng.

Thứ ba, nguyên đơn khởi kiện hai bị đơn là hai doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của hai doanh nghiệp khác nhau có quan hệ tranh chấp với nguyên đơn theo hai Hợp đồng trong lĩnh vực xây dựng. Tuy Công ty Cổ phần Công nghệ QG thi công là công trình lắp đặt hệ thống thiết bị cho công trình nhà ở của chị T1 nhưng cũng không thể cho rằng cùng xây dựng ngôi nhà của chị T1 để giải quyết trong cùng một vụ án KDTM được. Đồng bị đơn đề nghị Tòa án

tách để giải quyết bằng 02 (Hai) vụ án KDTM theo quy định tại khoản 2 Điều 42 BLTTDS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện cho đồng bị đơn và luật sư tranh tụng tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm nêu trên và trình bày bổ sung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2023/KDTM-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân quận C, Hà Nội quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Công nghệ QG đối với đồng bị đơn Công ty DL và Công ty TH đối với tranh chấp 02 hợp đồng: Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG ký ngày 15/10/2016 và Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/TH-CNQG ký ngày 15/10/2016.

2. Xác định Công ty DL còn nợ Công ty Công nghệ QG số tiền phát sinh trên Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG ký ngày 15/10/2016 với Công ty DL về việc thi công hệ thống Camera an ninh - Điện thoại - Internet - Truyền hình cáp – Điều hoà.

3. Xác định Công ty TH còn nợ Công ty Công nghệ QG số tiền phát sinh trên Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/TH-CNQG ký ngày 15/10/2016 với Công ty TH về việc thi công hệ thống Điện – nước.

4. Buộc Công ty DL phải thanh toán cho Công ty Công nghệ QG số tiền: **558.334.505 đồng**; Bao gồm số tiền gốc là: 465.525.334 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày xét xử 28/6/2023 là 92.809.171 đồng.

5. Buộc Công ty TH phải thanh toán cho Công ty Công nghệ QG số tiền: **2.137.517 đồng**; Bao gồm số tiền gốc là: 1.782.283 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày xét xử 28/6/2023 là 355.324 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi xét xử sơ thẩm

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, đồng bị đơn là Công ty DL và Công ty TH có đơn kháng cáo và đề nghị hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2023/KDTM-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân quận C, với lý do: Bản án sơ thẩm không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, áp dụng sai pháp luật dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng, xâm hại trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn.

Ngoài đơn kháng cáo, người kháng cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

4. Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, Công ty Công nghệ QG vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Công ty DL và Công ty TH giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

** Đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn Công ty DL và Công ty TH trình bày các nội dung kháng cáo như sau:*

Năm 2016, Công ty Cổ phần Công nghệ QG có thi công lắp đặt thiết bị công trình nhà ở cho gia đình chị Ngô Thị Việt T1 tại thôn Lương Xá, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam. Sau khi thống nhất, ngày 15/6/2016, Công ty Công nghệ QG đã ký Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/TH-CNQG ký ngày 15/10/2016 với Công ty TH về việc thi công hệ thống Điện – nước, giá trị hợp đồng là 1.093.620.078 đồng và ký Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG ký ngày 15/10/2016 với Công ty DL về việc thi công hệ thống Camera an ninh - Điện thoại - Internet - Truyền hình cáp – Điều hoà, giá trị hợp đồng là 988.491.625 đồng.

Công ty DL và Công ty TH không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty Công nghệ QG với những lý do sau:

Thứ nhất, Công ty Công nghệ QG thiếu năng lực về nhân công, vật tư thiết bị nên đã không thể hoàn thành về thời gian thi công đã thỏa thuận trong hợp đồng, dẫn đến các bên đã nhiều lần ký phụ lục điều chỉnh thời gian Hợp đồng. Ngày 07/12/2020, các bên đã lập Biên bản hiện trường về việc thống nhất chấm dứt và thanh lý hợp đồng; đồng thời tiến hành kiểm tra, nghiệm thu khối lượng hoàn thành, khối lượng thực tế để làm cơ sở thanh toán hợp đồng.

Công ty DL và Công ty TH đã có nhiều công văn đề nghị nguyên đơn tiến hành nghiệm thu theo Biên bản hiện trường ngày 07/12/2020 và gia hạn thư bảo lãnh tạm ứng nhưng nguyên đơn không thực hiện. Như vậy, nguyên đơn đã vi phạm điều khoản về chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư đã phải đưa nhà thầu khác vào hoàn tất công việc.

Thứ hai, Công ty Công nghệ QG xuất trình bản tổng hợp khối lượng hoàn thành 25/5/2021 đối với gói thầu cung cấp, thi công lắp đặt hệ thống điện nước trên cơ sở đó lập hồ sơ yêu cầu thanh toán. Tuy nhiên, ông Bùi Văn T3, cán bộ kỹ thuật không được ủy quyền ký xác nhận nên hai bảng tổng hợp khối lượng không có hiệu lực. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định rằng cán bộ kỹ thuật ký xác nhận là người thật, việc thật là nhận định chủ quan. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập, xác minh làm rõ việc nghiệm thu hiện trường ngày 25/5/2021.

Thứ ba, Đối với khoản tiền lãi tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm buộc Công ty TH và Công ty DL phải thanh toán cho nguyên đơn: Hai đồng

bị đơn không đồng ý vì lỗi chậm thanh toán nghiệm thu công trình thuộc về nguyên đơn. Đây là tranh chấp Hợp đồng xây dựng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 306 Luật Thương mại về khoản tiền lãi chậm trả là không đúng.

Thứ tư, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm tố tụng như: Thụ lý, xét xử trong cùng vụ án mà hai bị đơn hoàn toàn độc lập nhau về quyền và nghĩa vụ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đồng bị đơn là không đúng; Tòa án không đưa ngân hàng Quân đội – Chi nhánh TL là bên bảo lãnh tạm ứng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; trong hồ sơ không có tài liệu các bên đã thanh toán cho nhau như thế nào.

Từ những lý do trên, Công ty TH và Công ty DL đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng buộc các bên tiến hành nghiệm thu thanh toán và tách giải quyết thành 02 vụ kiện theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Công ty Công nghệ QG trình bày ý kiến đối với các nội dung kháng cáo như sau:*

Công ty Công nghệ QG không đồng ý với kháng cáo của Công ty TH và Công ty DL, với lý do:

Thứ nhất, Công ty Công nghệ QG không thể thi công hoàn thành 100% khối lượng công việc theo hợp đồng ban đầu (90 ngày) là do Công ty TH và Công ty DL không bàn giao mặt bằng đúng thời hạn, phải chờ các hạng mục khác hoàn thành. Do đó, các bên phải ký kết các phụ lục gia hạn của hai hợp đồng đến ngày 31/12/2019.

Trên thực tế, Công ty Công nghệ QG đã hoàn thành cơ bản các hạng mục theo hợp đồng và đã được Công ty TH và Công ty DL thừa nhận và đề nghị hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu công trình. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thì trách nhiệm nghiệm thu công trình là của Chủ đầu tư (bên A). Công ty Công nghệ QG đã nhiều lần gửi văn bản cho Công ty TH và Công ty DL (*các văn bản này đều được giao trực tiếp và có ký nhận của người đại diện theo pháp luật*) về việc đề nghị nghiệm thu và thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện trách nhiệm của mình. Vì vậy, Công ty Công nghệ QG không vi phạm tiến độ hợp đồng và không có lỗi trong việc chậm nghiệm thu công trình.

Thứ hai, Từ khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng đến thời điểm hiện nay, chủ nhà không có bất kỳ văn bản nào yêu cầu phía nguyên đơn phải khắc phục sửa chữa, bảo hành nên Công ty Công nghệ QG không vi phạm chất lượng công trình.

Thứ ba, Trong suốt quá trình thi công, Công ty TH và Công ty DL không hợp tác tổ chức nghiệm thu và thanh toán nên ngày 07/12/2020, Công ty Công nghệ QG phải chấp nhận ký biên bản hiện trường với Công ty TH và Công ty DL

để làm cơ sở cho việc tiến hành nghiệm thu, thanh toán, thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

Căn cứ thỏa thuận tại biên bản trên, ngày 25/5/2021 Công ty TH và Công ty DL đã cử ông Bùi Văn T3 tiến hành nghiệm thu và ký xác nhận khối lượng hoàn thành của cả 02 hợp đồng, với chức danh là cán bộ kỹ thuật. Trên cơ sở bảng khối lượng hoàn thành đã được ông T3 ký xác nhận, Công ty Công nghệ QG đã lập hồ sơ thanh toán của 02 hợp đồng trên với giá trị tạm tính như sau:

+ Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG với Công ty DL là 793.611.357 đồng.

+ Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/TH-CNQG với Công ty TH là 298.329.770 đồng.

Đây là kết quả thực hiện của người thật, việc thật nên Công ty Công nghệ QG không đồng ý tiến hành nghiệm thu lại, đồng thời không đồng ý tạm ngừng phiên tòa để xác minh thêm. Hồ sơ thanh toán này Công ty Công nghệ QG đã ký đóng dấu gửi cho Công ty TH và Công ty DL nhưng đến nay hai Công ty vẫn không hợp tác hoàn thiện hồ sơ cũng như thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Việc Công ty TH và Công ty DL cố tình kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng, không hợp tác hoàn thiện hồ sơ, không xác nhận các hồ sơ liên quan để thực hiện nghĩa vụ thanh toán là cố tình gây khó khăn, gây thiệt hại cho Công ty Công nghệ QG.

Thứ tư, Công ty Công nghệ QG cũng đã tiếp tục gia hạn các thư bảo lãnh tiền tạm ứng đến ngày 31/12/2023 theo yêu cầu của Công ty TH và Công ty DL nên không thể cho rằng Công ty Công nghệ QG vi phạm các điều khoản về chấm dứt hợp đồng.

Thứ năm, Ngày 25/5/2021, Công ty Công nghệ QG đã phối hợp cùng ông Bùi Văn T3- cán bộ kỹ thuật của bị đơn tiến hành nghiệm thu khối lượng thi công thực tế tại hiện trường. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn thanh toán lãi chậm trả tính từ ngày 01/6/2021 là hoàn toàn phù hợp. Đối với số tiền bảo hành, Công ty Công nghệ QG nhất trí tính lãi kể từ ngày hết thời gian bảo hành là từ ngày 26/5/2022.

Về mức lãi suất: Nếu tính theo mức lãi suất theo quy định tại Nghị định 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng xây dựng thì lãi suất của Ngân hàng MB nơi Công ty Công nghệ QG mở tài khoản thanh toán tại thời điểm tháng 6/2023 là: Lãi suất trong hạn: 9,8%/năm; Lãi suất quá hạn: 14,7%/năm.

Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, Công ty Công nghệ QG đồng ý giữ nguyên yêu cầu mức lãi suất chậm trả là 9,6%/năm, thấp hơn mức lãi suất của Ngân hàng MB nếu tính theo Nghị định 37/2015/NĐ-CP, thể hiện sự thiện chí đối với bị đơn.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của Công ty TH và Công ty DL.

Các đương sự thống nhất xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty TH và Công ty DL là đồng bị đơn và thụ lý giải quyết trong cùng một vụ án là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không cần thiết phải tách thành 02 vụ án riêng biệt và không cần phải đưa thêm Ngân hàng TMCP Quân đội vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì các bên không tranh chấp liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh.

- Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, đã được xác định bằng chữ ký và con dấu của những người có thẩm quyền. Hợp đồng đã được các bên tự nguyện thực hiện và không có tranh chấp cho đến khi tiến hành nghiệm thu, thanh toán hợp đồng, chốt nợ giữa hai bên nên được xác định là hợp pháp.

Có cơ sở xác định Công ty Công nghệ QG đã thực hiện thi công một số hạng mục theo 02 hợp đồng và phải được thanh toán đối với khối lượng công việc đã thực hiện. Hiện nay, công trình đã được đưa vào sử dụng nhiều năm, không phát sinh việc hư hỏng phải khắc phục sửa chữa bảo hành. Công ty Công nghệ QG đã làm hồ sơ đề nghị thanh toán theo Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành ngày 25/5/2021 và gửi cho chủ đầu tư để đề nghị nghiệm thu và thanh toán. Việc Công ty DL và Công ty TH không tổ chức nghiệm thu là cố tình trốn tránh trách nhiệm thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc đồng bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ còn lại của 02 (Hai) Hợp đồng là có căn cứ.

Về tiền lãi chậm trả: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 306 của Luật Thương mại để xác định mức lãi suất chậm trả buộc đồng bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn là không đúng. Tuy nhiên, Công ty Công nghệ QG chỉ

yêu cầu mức lãi suất chậm trả 9,6%/năm, thấp hơn mức lãi suất của Ngân hàng MB nếu tính theo Nghị định 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng xây dựng là có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, xác định lại thời điểm tính lãi theo đúng thỏa thuận về việc thanh toán và bảo hành công trình.

Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng là không đúng với quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Căn cứ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TH và Công ty DL, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:

Ngày 14/7/2023, Tòa án nhân dân quận C nhận được đơn kháng cáo của Công ty TH và Công ty DL đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2023/KDTM-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân quận C. Đơn kháng cáo do người đại diện theo pháp luật của Công ty ký. Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt theo Giấy triệu tập nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đơn đề nghị hoãn phiên tòa của Luật sư Nguyễn Thế Truyền: Ngày 22/10/2024 (trước ngày xét xử 01 ngày), Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận được Đơn đăng ký mời Luật sư của Công ty TH và Công ty DL đề ngày 19/10/2024; Quyết định của Công ty Luật Hợp danh Thiên Thanh về việc cử Luật sư Nguyễn Thế Truyền làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TH và Công ty DL. Đồng thời, kèm theo tài liệu trên là Đơn đề nghị hoãn phiên

tòa của Luật sư Nguyễn Thế Truyền, với lý do: Đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho Luật sư có thêm thời gian để nghiên cứu hồ sơ.

Xét thấy: Công ty TH và Công ty DL có đơn kháng cáo từ ngày 14/7/2023. Tuy nhiên, trong thời gian trên, Công ty TH và Công ty DL không chủ động mời và đăng ký Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình mà đến trước thời điểm phiên tòa được mở lại 01 ngày mới đăng ký. Vụ án đã phải hoãn phiên tòa 01 lần ngày 27/9/2024 theo đơn kháng cáo của Công ty TH và Công ty DL. Ngày 23/10/2024 là phiên tòa được mở lần 2 theo quyết định hoãn phiên tòa số 622/2024/QĐ-PT ngày 27/9/2024. Lý do đề nghị hoãn phiên tòa của Luật sư Nguyễn Thế Truyền không phải là lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, không thuộc các trường hợp phải hoãn phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn đề nghị hoãn phiên tòa của Luật sư Nguyễn Thế Truyền và quyết định đưa vụ án xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

2.1 Về thủ tục tố tụng:

Thứ nhất, Về nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty TH và Công ty DL là đồng bị đơn và giải quyết trong cùng một vụ án là không đúng.

Xét thấy:

Trong vụ án này Công ty Công nghệ QG đã khởi kiện Công ty TH và Công ty DL trong cùng một vụ án do có cùng nguyên đơn, cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng khối tài sản có liên quan đến các Hợp đồng thi công, cùng chủ đầu tư. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty TH và Công ty DL là đồng bị đơn và thụ lý giải quyết trong cùng một vụ án là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; không thuộc trường hợp pháp luật cấm và vẫn đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự; đồng thời giúp giải quyết được triệt để vụ án. Do đó, không cần thiết phải tách thành 02 vụ án riêng biệt.

Thứ hai, Về nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu người tham gia tố tụng.

Xét thấy:

Trong vụ án này các bên tranh chấp liên quan đến việc nghiệm thu khối lượng hoàn thành, giá trị và nghĩa vụ thanh toán theo 02 Hợp đồng xây dựng; không tranh chấp liên quan đến chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh TL (Mbbank – Chi nhánh TL). Công ty TH và Công ty DL cũng không

có yêu cầu phản tố tranh chấp về chứng thư bảo lãnh. Do đó, yêu cầu kháng cáo của Công ty TH và Công ty DL đề nghị phải đưa thêm Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh TL (Mbbank – Chi nhánh TL) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ.

2.1 Về Nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Năm 2016, Công ty Công nghệ QG có ký kết 02 hợp đồng kinh tế để thi công lắp đặt thiết bị công trình nhà ở cho gia đình chị Ngô Thị Việt T1 tại thôn Lương Xá, xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Trong đó:

- Công ty Công nghệ QG và Công ty TH ký kết Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/TH-CNQG ký ngày 15/10/2016 về việc thi công hệ thống Điện – nước, giá trị hợp đồng là **1.093.620.078 đồng**.

- Công ty Công nghệ QG và Công ty DL ký kết Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG ký ngày 15/10/2016 về việc thi công hệ thống Camera an ninh - Điện thoại - Internet - Truyền hình cáp – Điều hoà, giá trị hợp đồng là **988.491.625 đồng**.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Công nghệ QG đã thực hiện thi công các hạng mục theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, do phát sinh khó khăn trong quá trình bàn giao mặt bằng và thi công nên thời hạn thực hiện hợp đồng bị kéo dài. Do đó, các bên đã ký kết các phụ lục hợp đồng về việc gia hạn thời gian thi công.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc ký kết Hợp Đồng và các phụ lục hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái quy định của pháp luật. Các bên trong quan hệ tranh chấp đều thừa nhận các nội dung thỏa thuận, không bên nào có ý kiến thắc mắc về thẩm quyền ký kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng nên có hiệu lực pháp lý. Các đương sự không kháng cáo về nội dung này nên có hiệu lực pháp luật.

Hiện nay, các bên tranh chấp chủ yếu về việc nghiệm thu công trình và hồ sơ thanh toán, không thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc và tiền lãi. Các đương sự đã có đơn khởi kiện và kháng cáo đề nghị Tòa án giải quyết. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, về việc nghiệm thu công trình và hồ sơ thanh toán.

Các đương sự thừa nhận sau khi ký kết 02 Hợp đồng kinh tế, Công ty Công nghệ QG đã tiến hành thi công và hoàn thành một số hạng mục trong các Hợp đồng bao gồm lắp đặt, thi công hệ thống camera an ninh, điện thoại, internet, truyền hình cáp, điều hoà và thi công hệ thống điện – nước. Quá trình thực hiện hợp đồng, do phát sinh việc bàn giao mặt bằng và cung ứng thiết bị bị chậm nên

thời hạn thực hiện hợp đồng bị quá hạn. Các bên đã nhiều lần phải ký kết với nhau các phụ lục hợp đồng về việc gia hạn thời gian thi công và bảo lãnh tạm ứng. Tuy nhiên, do không thống nhất được với nhau về việc thực hiện hợp đồng nên các bên đã đề nghị tiến hành thanh lý, chấm dứt hợp đồng. Vì vậy, ngày 07/12/2020, các bên đã thống nhất ký biên bản hiện trường để tiến hành kiểm tra, nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo thực tế để làm cơ sở thanh toán theo hợp đồng. Hai Biên bản này đều có chữ ký của đại diện theo pháp luật của cả hai bên Công ty cùng ký.

Thực hiện thỏa thuận tại hai biên bản hiện trường nêu trên, ngày 25/5/2021 Công ty Công nghệ QG đã cùng với cán bộ kỹ thuật của đồng bị đơn là ông Bùi Văn T3 tiến hành kiểm tra, nghiệm thu khối lượng công việc Công ty Công nghệ QG đã thi công hoàn thành thực tế và lập 02 Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành theo các hạng mục của 02 Hợp đồng để làm cơ sở đề nghị Chủ đầu tư thanh toán. Bảng tổng hợp khối lượng khối lượng hoàn thành đã được đại diện cán bộ kỹ thuật của 02 công ty thực hiện và ký xác nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 3 Điều 123 Luật Xây dựng năm 2014 và khoản 1 Điều 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 hướng dẫn quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng quy định: *“Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng. Tổ chức, cá nhân tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm về sản phẩm do mình xác nhận khi nghiệm thu công trình xây dựng”*.

Và tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 hướng dẫn quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng quy định: *“người trực tiếp giám sát thi công xây dựng công trình và người trực tiếp phụ trách kỹ thuật thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá chất lượng công việc xây dựng đã được thi công, nghiệm thu; kết quả nghiệm thu được xác nhận bằng biên bản”*.

Như vậy, theo các quy định trên thì việc ngày 25/5/2021, cán bộ kỹ thuật của 02 Công ty tiến hành kiểm tra, nghiệm thu khối lượng công việc và lập, ký Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành là phù hợp với quy định của pháp luật. Cán bộ kỹ thuật phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã xác nhận. Theo các biên bản làm việc thể hiện ông Bùi Văn T3 là cán bộ kỹ thuật của Công ty TH và Công ty DL. Do đó, việc Công ty TH và Công ty DL cho rằng 02 Bảng tổng hợp khối lượng khối lượng hoàn thành trên không có giá trị pháp lý, đề nghị tạm dừng phiên tòa để thu thập, xác minh thêm và tiến hành nghiệm thu lại là không có cơ sở, cố tình lại ra trách nhiệm thanh toán.

Mặt khác, theo quy định của pháp luật thì trách nhiệm tổ chức nghiệm thu

công trình là trách nhiệm của chủ đầu tư nhưng đồng bị đơn Công ty DL và Công ty TH với tư cách là chủ đầu tư lại không chủ động phối hợp tiến hành nghiệm thu công trình để làm cơ sở thanh toán. Theo các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thể hiện từ tháng 3/2017 đến 6/2020, Công ty Công nghệ QG đã có nhiều công văn gửi và đề nghị Công ty DL và Công ty TH tổ chức nghiệm thu các phần công việc đã hoàn thành và thanh toán nhưng chủ đầu tư không thực hiện trách nhiệm của mình. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là lỗi của chủ đầu tư không phải lỗi của nhà thầu xây dựng Công ty Công nghệ QG là có căn cứ.

Công ty DL và Công ty TH cho rằng phía nguyên đơn chậm trễ thời hạn hoàn thiện công trình và có nhiều vi phạm về chất lượng công trình nhưng không đưa ra được bất cứ tài liệu chứng cứ nào liên quan đến việc khiếu nại chất lượng công trình và yêu cầu nguyên đơn phải bảo hành. Công ty DL và Công ty TH cũng đã ký kết với nhau các phụ lục hợp đồng đồng ý cho Công ty Công nghệ QG gia hạn thời gian thi công. Đồng thời, theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/5/2019 thể hiện toàn bộ công trình xây dựng đã được đưa vào sinh hoạt sử dụng và hoàn thiện. Trong suốt thời gian sử dụng thì chủ đầu tư cũng không có bất kỳ một văn bản yêu cầu phía bên nguyên đơn phải khắc phục sửa chữa bảo hành.

Như vậy, có cơ sở xác định Công ty Công nghệ QG đã thực hiện thi công một số hạng mục theo 02 hợp đồng. Do các bên thỏa thuận thanh lý, chấm dứt hợp đồng nên Công ty Công nghệ QG phải được thanh toán đối với khối lượng công việc đã thực hiện. Công ty Công nghệ QG đã làm hồ sơ đề nghị thanh toán theo Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành ngày 25/5/2021 và gửi cho chủ đầu tư để đề nghị nghiệm thu và thanh toán. Hiện nay, công trình đã được đưa vào sử dụng nhiều năm, không phát sinh việc hư hỏng phải khắc phục sửa chữa bảo hành. Do đó, việc Công ty DL và Công ty TH không tổ chức nghiệm thu là cố tình trốn tránh trách nhiệm thanh toán.

Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 3 Bộ luật Dân sự 2015: “*Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực*” là có căn cứ, đảm bảo **lẽ công bằng** cho các chủ thể tham gia sau ký kết giao dịch dân sự trong trường hợp một bên không tuân thủ theo quy định của pháp luật, không tiến hành nghiệm thu cho các nhà thầu và các nhà thầu không có căn cứ để thanh toán. Các chủ đầu tư đều phải có nghĩa vụ trung thực thiện chí, thực hiện đúng trách nhiệm tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, về số tiền nợ gốc phải thanh toán

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thể hiện giá trị thanh toán của 02 hợp đồng như sau:

1/ Đối với Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG với Công ty DL:

- Giá trị khối lượng hoàn thành theo bảng tổng hợp khối lượng ngày 25/5/2021: **793.611.357 đồng**

- Số tiền đã tạm ứng của hợp đồng: **328.086.023 đồng**

- Số tiền còn lại phải thanh toán: **465.525.334 đồng.**

2/ Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/TH-CNQG với Công ty TH:

- Giá trị khối lượng hoàn thành theo bảng tổng hợp khối lượng ngày 25/5/2021: **298.329.770 đồng.**

- Số tiền đã tạm ứng của hợp đồng: **296.547.487 đồng.**

- Số tiền còn lại phải thanh toán: **1.782.283 đồng.**

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc đồng bị đơn Công ty DL và Công ty TH phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ còn lại của 02 (Hai) Hợp đồng với giá trị như trên là có cơ sở.

Thứ ba, về số tiền thanh toán lãi suất chậm trả tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày vụ án được xét xử 28/6/2023.

Tại Điều 4.4 của Hợp đồng các bên có thỏa thuận về tạm ứng và thanh toán như sau: “... *Đợt 3 (đợt cuối): Bên A thanh toán tiếp cho bên B 30 % giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền trong vòng 10 ngày sau khi 02 bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao toàn bộ công trình và Bên A nhận được hồ sơ quyết toán công trình của bên B:*

Đồng thời tại Điều 11 của Hợp đồng các bên có thỏa thuận về bảo hành công trình như sau: “*Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng Bên B phải: - Thực hiện bảo hành công trình trong 12 tháng; - Giá trị thực hiện bảo hành công trình bằng 5% giá trị hợp đồng*”.

Trong vụ án này, đến ngày 25/5/2021 các bên mới thực hiện được việc nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, xác định giá trị thanh toán theo khối lượng các hạng mục thực tế đã thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến các thỏa thuận tại Điều 4.4 và Điều 11 của Hợp đồng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định thời gian tính lãi chậm trả từ ngày 01/6/2021 là không có cơ sở.

Mặt khác, trong vụ án này là tranh chấp liên quan đến hợp đồng xây dựng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 306 của Luật Thương mại để xác định mức lãi suất chậm trả buộc đồng bị đơn phải thanh toán tiền lại chậm trả cho nguyên đơn là không đúng. Trong vụ án này phải áp dụng theo mức lãi suất theo

quy định tại Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng xây dựng.

Nếu tính theo mức lãi suất theo quy định tại Nghị định 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng xây dựng thì lãi suất của Ngân hàng MB nơi Công ty Công nghệ QG mở tài khoản thanh toán tại thời điểm tháng 6/2023 là: Lãi suất trong hạn: 9,8%/năm; Lãi suất quá hạn: 14,7%/năm.

Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, Công ty Công nghệ QG chỉ yêu cầu mức lãi suất chậm trả 9,6%/năm là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận.

Đồng bị đơn phải trả lãi chậm trả cho nguyên đơn như sau:

1/ Tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền là **465.525.334 đồng** của Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG với Công ty DL tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2023:

STT	Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG với Công ty DL		Tổng giá trị thanh toán	Ngày phải thanh toán	Số ngày chậm trả	Lãi suất là 9,6%/năm	Tiền lãi
1	Tổng giá trị thanh toán		793.611.357				
2	Số tiền đã tạm ứng		328.086.023				
3	Số tiền còn lại phải thanh toán	Giá trị bảo hành 5% hợp đồng $= (1) * 5\%$	39.680.568	26/05/2022	401	0,096	4.185.050
4		Số tiền phải thanh toán sau khi nghiệm thu: $= (1) - (2) - (3)$	425.844.766	04/06/2021	757	0,096	84.786.276
						Tổng cộng	88.971.326

2/ Tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền **1.782.283 đồng** của Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/TH-CNQG với Công ty TH tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2023:

Giá trị bảo hành 5% của Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG với Công ty TH là: $298.329.770 \text{ đồng} * 5\% = 14.916.489 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, số tiền còn lại phải thanh toán của Hợp đồng chỉ còn là: 1.782.283 đồng.

Do không phát sinh nghĩa vụ bảo hành nên số tiền 1.782.283 đồng còn lại của Hợp đồng này phải thanh toán từ ngày hết thời gian bảo hành là ngày 26/5/2022, chứ không phải từ ngày 01/6/2021 như yêu cầu của nguyên đơn.

STT	Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/TH- CNQG với Công ty TH	Tổng giá trị thanh toán	Ngày phải thanh toán	Số ngày chậm trả	Lãi suất là 9,6%/năm	Tiền lãi
1	Tổng giá trị thanh toán	298.329.770				
2	Số tiền đã tạm ứng của hợp đồng	296.547.487				
3	Số tiền còn lại phải thanh toán: = (1) - (2)	1.782.283	26/05/2022	401	0,096	187.975
					Tổng cộng	187.975

Căn cứ phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TH và Công Ty DL và quyết định sửa một phần bản án sơ thẩm về phần quyết định tính lãi chậm trả.

[3]. Các nội dung khác liên quan đến quyết định của bản án sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng là không đúng với quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Trong vụ án này, phải buộc Công ty TH phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.000.000 đồng mới đúng.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên Công ty TH và Công ty DL không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 3, Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 113, Điều 123, Điều 139, Điều 141, Điều 144 Luật xây dựng năm 2014;
- Căn cứ Điều 21, Điều 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ hướng dẫn quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Điều 19, Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng.
- Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Thương mại DL và Công ty TNHH Đầu tư Thương mại tổng hợp TH; sửa một phần bản án sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Công nghệ QG đối với Công ty Cổ phần Thương mại DL và Công ty TNHH Đầu tư Thương mại tổng hợp TH về việc tranh chấp 02 (Hai) hợp đồng: Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG ký ngày 15/10/2016 và Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/TH-CNQG ký ngày 15/10/2016.

2. Xác định Công ty Cổ phần Thương mại DL còn nợ Công ty Cổ phần Công nghệ QG số tiền phát sinh trên Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/DL-CNQG ký ngày 15/10/2016 về việc thi công hệ thống Camera an ninh - Điện thoại - Internet - Truyền hình cáp – Điều hoà.

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại DL phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Công nghệ QG số tiền: **554.496.660 đồng** (Năm trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền gốc là: 465.525.334 đồng.

- Tiền lãi tính đến ngày 30/6/2023 là 88.971.326 đồng.

3. Xác định Công ty TNHH Đầu tư Thương mại tổng hợp TH còn nợ nguyên đơn số tiền phát sinh trên Hợp đồng số 1510/HĐXD-2016/TH-CNQG ký ngày 15/10/2016 về việc thi công hệ thống Điện – nước.

Buộc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại tổng hợp TH phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty Công nghệ QG số tiền: **1.970.258 đồng** (Một triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm năm mươi tám đồng). Trong đó:

- Số tiền gốc là: **1.782.283 đồng**.

- Tiền lãi tính đến ngày 30/6/2023 là **187.975 đồng**.

4. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:*

Công ty Cổ phần Thương mại DL phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **26.179.866 đồng** (Hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng).

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại tổng hợp TH phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **3.000.000 đồng** (Ba triệu đồng).

Hoàn trả Công ty Cổ phần Công nghệ QG số tiền **22.379.000 đồng** (Hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0019349 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, Thành phố Hà Nội.

*** Án phí phúc thẩm:**

Hoàn trả Công ty Cổ phần Thương mại DL số tiền **2.000.000 đồng** (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm (đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0019648 ngày 08/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội).

Hoàn trả Công ty TNHH Đầu tư Thương mại tổng hợp TH số tiền **2.000.000 đồng** (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm (đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0019647 ngày 08/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. CG;
- Chi cục THADS Q. CG;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

Bùi Đức Bằng